

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 214 /2018/DS-PT

Ngày: 06-02-2018

V/v Tranh chấp thừa kế tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thọ Viên

Các thẩm phán:

Bà Phạm Thị Thu Phương

Bà Trần Thị Lệ Uyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 06/02/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 651/2017/TLPT-DS ngày 15 tháng 11 năm 2017 về vụ việc: “Tranh chấp thừa kế tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 62/2017/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện B Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3138/2017/QĐ-PT ngày 21 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Kim H, sinh năm: 1964

Địa chỉ: E1/1 đường A, khu phố B, thị trấn C, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Anh K - Luật sư của Văn phòng luật sư K1 thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Bà Lê Thị O , sinh năm: 1943

Địa chỉ: C8/3 ấp Z, xã C, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Võ Đan M - Luật sư của Công ty TNHH Một thành viên K thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Võ Kim T , sinh năm: 1968
Địa chỉ: C8/3 ấp Z, xã C, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Bà Võ Kim L , sinh năm: 1958
Địa chỉ: C14/12 ấp Z, xã C, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Bà Võ Kim N , sinh năm: 1968
Địa chỉ: D14/26 ấp Z, xã C, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Bà Võ Thị Thúy N1 , sinh năm: 1970
Địa chỉ: B11/19 ấp Y, xã C, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Bà Võ Kim T1 , sinh năm: 1978
Địa chỉ: 14A tổ V, ấp P, xã Q, huyện E, tỉnh Long An.
6. Ông Võ Tấn L , sinh năm: 1975
Địa chỉ: C8/3A ấp Z, xã C, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh.
7. Ông Võ Minh Đ , sinh năm: 1981
Địa chỉ: C8/3 ấp Z, xã C, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh.
8. Ông Võ Hồng S , sinh năm: 1972
Địa chỉ: Ấp R, xã U, huyện T, tỉnh Tiền Giang.
9. Bà Lê Thị Y , sinh năm 1936
Địa chỉ: C8/4 ấp Z, xã C, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Bà Võ Kim H , bà Võ Kim T , bà Võ Kim L và bà Lê Thị O .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày của nguyên đơn bà Võ Kim Hường:

Ông Võ Văn T2 (đã chết năm 2011) và bà Nguyễn Thị S1 (chết năm 1968) chung sống có 04 (bốn) người con: Võ Kim H , Võ Kim T , Võ Kim L , Võ Kim T3 (chết không có chồng con). Năm 1980, ông Võ Văn T2 có dẫn bà Lê Thị O về sống chung với Võ Kim H , Võ Kim T , Võ Kim L . Ông Võ Văn T2 và bà Lê Thị O có 06 (sáu) người con: Võ Kim N , Võ Thị Thúy N1, Võ Hồng S , Võ Tấn L , Võ Kim T1 và Võ Minh Đ . Năm 2011 ông Võ Văn T2 chết không để lại di chúc, ông Võ Văn T2 có để lại di sản là căn nhà số C8/3 ấp Z, xã C, huyện D tọa lạc trên phần đất có diện tích 322 m². Nay bà Võ Thị H , bà Võ Kim T và bà Võ Kim L yêu cầu bà Lê Thị O chia di sản thừa kế của ông Võ Văn Thanh để lại là phần đất mà căn nhà C8/3 ấp Z, xã C, huyện D đang tọa lạc trên đó mỗi người một phần đất có diện tích 50 m².

Bị đơn bà Lê Thị O trình bày:

Bà là vợ thứ 2 của ông Võ Văn T2. Bà và ông Võ Văn T2 chung sống có 06 (sáu) người con: Võ Kim N, Võ Thị Thúy N1, Võ Hồng S , Võ Tấn L , Võ Kim T1 và Võ Minh Đ .

Trước đó ông Võ Văn T2 có vợ là bà Nguyễn Thị S1 (đã chết năm 1968). Ông Võ Văn T2 và bà Nguyễn Thị S1 chung sống có 4 người con: Võ Kim H , Võ Kim T , Võ Kim L , Võ Kim T3 (chết không có chồng con). Vào năm 1968, bà được Bà H cho sử dụng phần đất có diện tích dài 25m, rộng 11m loại đất thổ cư tại ấp Z, xã C. Năm 1968, bà cất căn nhà vách cà tăng, mái lá, nền đất trên phần đất mà Bà H cho (nay là căn nhà số C8/3 ấp Z, xã C, huyện D). Bà đã sử dụng ổn định phần đất trên cho đến nay. Năm 2008, bà được các con cho tiền để sửa chữa căn nhà trên thành căn nhà có hiện trạng tường gạch, nền gạch bông như hiện tại. Phần đất còn lại bà cho con là Võ Tấn L xây nhà ở. Năm 2011 ông Võ Văn T2 chết không để lại di chúc. Nay bà Võ Thị H , bà Võ Kim T và bà Võ Kim L yêu cầu bà chia di sản thừa kế của ông Võ Văn T2 để lại là phần đất mà căn nhà C8/3 ấp Z, xã C, huyện D đang tọa lạc trên đó mỗi người một phần đất có diện tích 50 m² thì ý kiến của bà là không đồng ý vì phần đất thuộc thừa đất số 187, tờ bản đồ số 35, xã C mà căn nhà số C8/3 ấp Z, xã C, huyện D là tài sản hợp pháp của bà, có nguồn gốc của bà do bà được H cho.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

Bà Võ Kim T và bà Võ Kim L là người có yêu cầu độc lập và có cùng nội dung trình bày:

Ông Võ Văn T2 (đã chết năm 2011) và bà Nguyễn Thị S1 (chết năm 1968) chung sống có 04 (bốn) người con: Võ Kim H , Võ Kim T , Võ Kim L , Võ Kim T2 (chết không có chồng con). Năm 1980, ông Võ Văn T2 có dẫn bà Lê Thị O về sống chung với Võ Kim H , Võ Kim T , Võ Kim L . Ông Võ Văn T2 và bà Lê Thị O có 06 (sáu) người con: Võ Kim N , Võ Thị Thúy N1, Võ Hồng S , Võ Tấn L , Võ Kim T2 và Võ Minh Đ . Năm 2011 ông Võ Văn T2 chết không để lại di chúc, ông Võ Văn T2 có để lại di sản là căn nhà số C8/3 ấp Z, xã C, huyện D tọa lạc trên phần đất có diện tích 322 m². Nay bà Võ Kim T và bà Võ Kim L yêu cầu bà Lê Thị O chia di sản thừa kế của ông Võ Văn T2 để lại là phần đất mà căn nhà C8/3 ấp Z, xã C, huyện D đang tọa lạc trên đó mỗi người một phần đất có diện tích 50 m².

Bà Võ Kim T1 trình bày:

Trước khi cha bà chết, 06 (sáu) chị em bà đã hùn tiền lại cất cho cha mẹ bà 01 (một) căn nhà cấp 4 để ở. Phần đất đó là của Bà H đã cho mẹ bà. Mẹ bà hiện đang sử dụng đất và chưa được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay phía bên bà H khởi kiện chia thừa kế là không hợp pháp. Vì phần đất đó Bà H đã cho mẹ bà trước giải phóng tới nay, không phải là di sản thừa kế mà là tài sản riêng của mẹ bà. Nay bà không đồng ý chia thừa kế cho phía nguyên đơn.

Ông Võ Tấn L trình bày:

Ông là con ruột của ông Võ Văn T2 và bà Lê Thị O . Ông sống chung với cha mẹ từ nhỏ. Từ năm 1980 đến nay bà Võ Kim L , Võ Kim H , Võ Kim T không chung sống đã bỏ nhà ra đi, không phụng dưỡng cha mẹ. Năm 2004 cha mẹ ông có cho ông một miếng đất ngang 4m x dài 25 m và ông đã cất căn nhà

vách tôn, nền gạch bông trên đất được cấp sổ nhà C8/3A ấp Z, xã C, huyện D. Phần đất ông đang sử dụng chưa được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu nhà hợp pháp vì nguồn gốc đất của Bà H cho mẹ ông vào năm 1968. Nay bà H, bà T, bà L khởi kiện yêu cầu chia thừa kế là không hợp pháp vì phần đất trên Bà H đã cho mẹ ông sử dụng từ trước giải phóng tới nay, đất này không phải là di sản thừa kế. Đồng thời, bà H, bà T, bà L không phụng dưỡng cha. Cha ông bệnh năm 2005, 6 (sáu) chị em ông đã lo tiền thuốc và tiền bệnh viện đến năm 2008 chị em ông hùn tiền cất nhà có cấu trúc vách tường mái tole nền gạch bông. Năm 2011 cha ông qua đời 6 (sáu) chị em ông đã lo chi phí ma chay. Nay ông không đồng ý về việc yêu cầu chia di sản.

Bà Võ Kim N, bà Võ Thị Thúy N1, ông Võ Hồng S và ông Võ Minh Đ trình bày:

Ông bà là con của ông Võ Văn T2 và bà Lê Thị O. Từ lúc sinh ra chúng tôi cư ngụ tại địa chỉ C8/3 ấp Z, xã C, huyện D, không có mặt bà Võ Kim H, bà Võ Kim T và bà Võ Kim L. Năm 1968 bà Lê Thị O được Bà H cho riêng một miếng đất có diện tích dài 25m, rộng 11,5m. Bà O đã cất nhà vách cà tăng, mái tole ngang 4m dài 6m (nay là căn nhà số C8/3 ấp Z, xã C, huyện D) lúc đó bà Võ Kim H, bà Võ Kim T và bà Võ Kim L đang sống ở nhà bà nội tôi ở gần đó. Nay bà H, bà T và bà L khởi kiện yêu cầu chia mỗi người một phần đất có diện tích 50 m² thuộc thửa đất số 187, tờ bản đồ số 35, xã C thì chúng tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H, bà T và bà L.

Bà Lê Thị Yến trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 22/3/2017:

Trước đây, bà có cho di ruột của bà là bà Lê Thị L1 phần đất có diện tích 310 m² để cất nhà ở cho bà Võ Kim T3, bà Võ Kim L, bà Võ Kim H ở (Nay là phần đất thuộc thửa đất số 187, tờ bản đồ số 35, xã C tại địa chỉ: C8/3 ấp Z, xã C, huyện D) Năm 1980, bà Lê Thị O về chiếm hữu nhà đất, đuổi bà T, bà Lê, bà T3, bà H ra khỏi nhà, đất. Nay bà Võ Kim H, bà Võ Kim L, bà Võ Kim T khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị O chia chia di sản thừa kế của ông Võ Văn Thanh để lại mỗi người phần đất có diện tích 40 m² thuộc thửa đất số 187, tờ bản đồ số 35, xã Bình Chánh tại địa chỉ: C8/3 ấp Z, xã C, huyện D thì bà xác định là bà không có tranh chấp và không có yêu cầu gì trong vụ án này. Nay bà có ý kiến đề xuất Tòa án chia di sản thừa kế của ông Võ Văn T2 cho bà H, bà T và bà L mỗi người phần đất có diện tích 40m². Bà xác định không tranh chấp và không yêu cầu trong vụ án này. Do đó, bà xin Tòa án cho phép bà được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết

Tại bản án số 62/2017/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H đối với bà Lê Thị O.

Bà Lê Thị O có trách nhiệm chia cho bà Võ Thị H di sản thừa kế của ông Võ Văn T2 để lại với số tiền là 30.858.240 đồng (ba mươi triệu tám trăm năm mươi tám ngàn hai trăm bốn mươi đồng) ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Võ Kim T và bà Võ Thị L đối với bà Lê Thị O

Bà Lê Thị O có trách nhiệm chia cho các bà Võ Kim T di sản thừa kế của ông Võ Văn T2 để lại với số tiền là 30.858.240 đồng (ba mươi triệu tám trăm năm mươi tám ngàn hai trăm bốn mươi đồng); Chia cho bà Võ Kim L di sản thừa kế của ông Võ Văn T2 để lại với số tiền là 30.858.240 đồng (ba mươi triệu tám trăm năm mươi tám ngàn hai trăm bốn mươi đồng) ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi bà Võ Kim H, bà Võ Kim T, bà Võ Kim L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Lê Thị O chậm trả tiền thì bà Lê Thị O còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thực hiện theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Về chí tố tụng:

Bà Võ Kim T có trách nhiệm trả cho bà Võ Kim H số tiền lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo vẽ là 3.600.000 đồng. Bà Võ Kim L có trách nhiệm trả cho bà Võ Kim H số tiền lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo vẽ là 3.600.000 đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi bà Võ Kim H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Võ Kim T, bà Võ Kim L chậm trả tiền chi phí tố tụng thì bà T, bà còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Bà Võ Kim H chịu 1.542.912 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Võ Kim H đã nộp là 5.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AE/2012/06328 ngày 03/12/2013 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C. Bà Võ Kim H được nhận lại số tiền 3.457.088 đồng.

4.2. Bà Võ Kim T chịu 1.542.912 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Võ Kim T đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AE/2011/07574 ngày 10/9/2014 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C. Bà Võ Kim T được nhận lại số tiền 957.088 đồng.

4.3. Bà Võ Kim L chịu 1.542.912 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Võ Kim L đã đóng là 2.500.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AE/2011/07576 ngày 10/9/2014 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C. Bà Võ Kim T được nhận lại số tiền 957.088 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự theo luật định.

Ngày 06 tháng 9 năm 2017, bà Võ Kim H, bà Võ Kim T, bà Võ Kim L kháng cáo với yêu cầu chia di sản thừa kế bằng quyền sử dụng đất của mỗi người có diện tích là 28 m² theo luật.

Ngày 08 tháng 9 năm 2017, bà Lê Thị O kháng cáo với yêu cầu không đồng ý chia thừa kế cho các bà Võ Kim H , bà Võ Kim T , bà Võ Kim L .

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Võ Kim H , bà Võ Kim T , bà Võ Kim L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H .

Bà Lê Thị O yêu cầu rút lại đơn kháng cáo, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đồng ý để mình hoàn lại kỷ phần thừa kế bằng tiền cho các bà Võ Kim H , Võ Kim T , Võ Kim L .

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà O đề nghị chấp nhận việc rút kháng cáo của bà O , giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là con của bà Lê Thị O và ông Võ Văn T2 không tranh chấp thừa kế với bà O , thống nhất để bà O hoàn lại kỷ phần thừa kế bằng tiền cho các bà Võ Kim H , Võ Kim T g, Võ Kim L .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Võ Kim H , bà Võ Kim T , bà Võ Kim L ; Chấp nhận việc rút đơn kháng cáo của bà Lê Thị O , giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bà Võ Kim H , bà Võ Kim T , bà Võ Kim L , bà Lê Thị O làm trong hạn luật định nên được chấp nhận.

Bà Lê Thị Y có đề nghị yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 29/12/2017, các ông bà Võ Kim T1, Võ Thị Thúy N1, Võ Hoàng S có Đơn xin vắng mặt ngày 19/01/2018 nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Lê Thị O rút đơn yêu cầu kháng cáo là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Xét yêu cầu kháng cáo của các đương sự nêu trên có đủ căn cứ xác định:

Ông Võ Văn T2 (chết năm 2011) sống chung với người vợ trước là bà Nguyễn Thị S1 (đã chết năm 1968) có bốn người con chung gồm: Võ Kim H , Võ Kim T , Võ Kim L , Võ Kim T3 (chết không có chồng con) và sống vợ sau

là bà Lê Thị O có có sáu người con chung gồm: Võ Kim N , Võ Thị Thúy N1, Võ Hồng S , Võ Tấn L , Võ Kim T1 và Võ Minh Đ .

Phần quyền sử dụng đất có diện tích 287,2 m² mà các đương sự đang tranh chấp thuộc một phần thửa 181, 187 tờ bản đồ số 35, xã C (theo tài liệu đo năm 2004) tọa lạc tại căn nhà số C8/3 ấp Z, xã C, huyện D có nguồn gốc: Theo văn bản số 504/UBND ngày 01/4/2015 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc phúc đáp Công văn số 1088/2014/TAHBC ngày 20/4/2014 của Tòa án nhân dân huyện C có nội dung như sau: “Phần đất nêu trên có nguồn gốc do mẹ của ông Võ Văn T2 (bà Lê Thị L1) xin đất của bà Lê Thị Y (bà 2 Phụng) để cất nhà tole cho bà Võ Kim T3 (mẹ bà H và là vợ lớn của ông Võ Văn T2) và bốn chị em của bà H ở. Trong thời gian này ông T2 đi lính. Sau khi mẹ bà H chết vào khoảng năm 1968, đến khoảng năm 1970 ông T2 mới dẫn bà Lê Thị O (vợ nhỏ của ông T2) về ở chung với các chị em bà H. Sau năm 1975 căn nhà trên do hộ ông Võ Văn T2 sử dụng, khi chị em bà H lớn thì ra ngoài ở riêng. Khoảng năm 2008, bà Lê Thị O sửa chữa lại căn nhà C8/3 ấp Z, xã C, huyện D (lúc này ông T2 đang bị bệnh). Năm 2011, ông T2 chết, bà O và các con bà O sử dụng đến nay. Theo tài liệu 299/TTg phân đất trên thuộc thửa 101, tờ bản đồ số 2, không ai đăng ký. Theo tài liệu 02/CT-UB phân đất trên thộc thửa 01, tờ bản đồ số 06, không có ai đăng ký. Theo Quyết định 3376/QĐ-UB-QLĐT ngày 11 tháng 6 năm 1999 của Ủy ban thành phố, căn nhà trên do ông Võ Văn T2 kê khai. Theo tài liệu BĐĐC phân đất trên thuộc thửa 187, tờ bản đồ số 35, ông Võ Văn T2 có tên trong sổ dã ngoại. Từ năm 2011 trở về trước do ông Võ Văn T2 đăng ký đóng thuế. Từ năm 2011 đến nay do ông Võ Minh Đ đóng thuế”. Xét phần đất trên có nguồn gốc của mẹ ông Võ Văn T2. Ông T2 có quá trình sử dụng ổn định liên tục từ năm 1970 đến khi ông T2 chết (năm 2011). Trong quá trình sử dụng đất, ông T2 có đăng ký và có tên trong Sổ dã ngoại. Do đó, ông Võ Văn T2 là chủ sử dụng của phần đất có diện tích 287,2 m² thuộc một phần thửa số 1, tờ bản đồ số 06 Bộ địa chính xã C (Theo tài liệu 02/CT-UB) tương ứng một phần thửa 181, 187 tờ bản đồ số 35, xã C (theo tài liệu đo năm 2004) nên di sản thừa kế của ông Võ Văn T2 để lại là phần đất có diện tích 287,2 m² nêu trên cho các đồng thừa kế. Ông Võ Văn T2 chết không để lại di chúc nên việc chia di sản thừa kế của ông Thanh được thực hiện theo pháp luật.

Như vậy, những người có tên sau đây là người thừa kế của ông Võ Văn T2: bà Lê Thị O , Võ Kim N , Võ Thị Thúy N1, Võ Hồng S , Võ Tấn L , Võ Kim T và Võ Minh Đ , Võ Kim H , Võ Kim T , Võ Kim L (mười người).

Phần di sản thừa kế của ông Võ Văn T2 để lại là phần đất có diện tích 287,2 m² thuộc một phần thửa 181, 187 tờ bản đồ số 35, xã C (theo tài liệu đo năm 2004). Do đó, mỗi người thừa kế của ông Võ Văn T2 được hưởng một phần di sản bằng nhau là phần đất có diện tích 287,2 m² : 10 = 28,72 m². Tuy nhiên, diện tích đất mỗi người được chia và tổng diện tích đất mà ba người được chia nhỏ hơn diện tích tối thiểu được tách thửa theo quy định tại Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 15/10/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án cấp sơ thẩm nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Kim H , bà Võ Kim T và bà Võ Kim L chia bằng trị giá quyền sử dụng đất theo Biên

bản định giá ngày 16/9/2015 là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên yêu cầu kháng cáo của bà Võ Kim H , bà Võ Kim T và bà Võ Kim L không được chấp nhận.

Tại tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm, các con của bà Lê Thị O và ông Võ Văn T2 không tranh chấp thừa kế với bà O về di sản thừa kế của ông T2 chết để lại, bà Lê Thị O cũng không yêu cầu chia nên tòa cấp sơ thẩm không xét là phù hợp. Các con của bà Lê Thị O và ông Võ Văn T2 và bà O thống nhất để bà O có trách nhiệm hoàn lại kỷ phần thừa kế bằng tiền cho các bà Võ Kim H , Võ Kim T , Võ Kim L là tự nguyện, cấp sơ thẩm công nhận việc này là đúng quy định pháp luật.

Án sơ thẩm xác định di sản thừa kế của ông T2 để lại và hàng thừa kế của ông T2 là đúng. Tuy nhiên trong phần quyết định không thể hiện nên cấp phúc thẩm bổ sung phần này để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ án.

Bà Võ Kim H , bà Võ Kim T , bà Võ Kim L , bà Lê Thị O phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 148, Điều 293, Khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Võ Kim H , bà Võ Kim T , bà Võ Kim L .

Chấp nhận việc rút đơn yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị O .

Giữ nguyên bản án sơ thẩm, xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H đối với bà Lê Thị O ; Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Võ Kim T và bà Võ Thị L đối với bà Lê Thị O .

Công nhận di sản thừa kế của ông Võ Văn T2 chết để lại là phần quyền sử dụng đất có diện tích 287,2 m² thuộc một phần thửa 181, 187 tờ bản đồ số 35, xã Bình Chánh tọa lạc tại căn nhà số C8/3 ấp Z, xã C, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người thừa kế theo pháp luật đối với di sản của ông Võ Văn T2, gồm: bà Lê Thị O , Võ Kim N , Võ Thị Thúy N1, Võ Hồng S , Võ Tấn L , Võ Kim T1 . Võ Minh Đ , Võ Kim H , Võ Kim T , Võ Kim L .

Bà Lê Thị O có trách nhiệm chia cho bà Võ Thị H di sản thừa kế của ông Võ Văn T2 để lại với số tiền là 30.858.240 đồng (ba mươi triệu tám trăm năm mươi tám ngàn hai trăm bốn mươi đồng) ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà Lê Thị O có trách nhiệm chia cho các bà Võ Kim T di sản thừa kế của ông Võ Văn T2 để lại với số tiền là 30.858.240 đồng (ba mươi triệu tám trăm năm mươi tám ngàn hai trăm bốn mươi đồng); Chia cho bà Võ Kim L di sản thừa kế thừa kế của ông Võ Văn T2 để lại với số tiền là 30.858.240 đồng (ba mươi triệu tám trăm năm mươi tám ngàn hai trăm bốn mươi đồng) ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi bà Võ Kim H , bà Võ Kim T , bà Võ Kim L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Lê Thị O chậm trả tiền thì bà Lê Thị O còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thực hiện theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Về chi phí tố tụng:

Bà Võ Kim T có trách nhiệm trả cho bà Võ Kim H số tiền lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo vẽ là 3.600.000 đồng. Bà Võ Kim L có trách nhiệm trả cho bà Võ Kim H số tiền lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo vẽ là 3.600.000 đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi bà Võ Kim H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Võ Kim T , bà Võ Kim L chậm trả tiền chi phí tố tụng thì bà T , bà L còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Kim H chịu 1.542.912 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Võ Kim H đã nộp là 5.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AE/2012/06328 ngày 03/12/2013 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C. Bà Võ Kim H được nhận lại số tiền 3.457.088 đồng.

Bà Võ Kim T chịu 1.542.912 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Võ Kim T đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AE/2011/07574 ngày 10/9/2014 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C. Bà Võ Kim T được nhận lại số tiền 957.088 đồng.

Bà Võ Kim L chịu 1.542.912 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Võ Kim L đã đóng là 2.500.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AE/2011/07576 ngày 10/9/2014 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C. Bà Võ Kim T được nhận lại số tiền 957.088 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm bà Võ Kim H chịu 300.000 đồng được cản trừ vào Biên lai thu số 0030295 ngày 06/09/2017, bà Võ Kim T chịu 300.000 đồng được cản trừ vào Biên lai thu số 0030294 ngày 06/09/2017, bà Võ Kim L chịu 300.000 đồng được cản trừ vào Biên lai thu số 0030196 ngày 06/09/2017, bà Lê Thị O chịu 300.000 đồng được cản trừ vào Biên lai thu số 0030313 ngày 08/09/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Tòa án nhân dân huyện C;
- Chi Cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thọ Viên